



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành vào ngày 8 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-294




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		604.572.947.501	428.876.706.560
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.772.780.990	106.553.078.212
Tiền	111		37.772.780.990	26.553.078.212
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	30.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.401.510.915	139.583.961.758
Phải thu của khách hàng	131	6	159.415.395.721	139.382.765.053
Trả trước cho người bán	132		1.353.272.420	248.274.920
Phải thu nội bộ	133	20	15.463.013.328	-
Phải thu khác	136		5.288.907.658	1.071.999.997
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	7	288.648.881.067	136.563.239.754
Hàng tồn kho	141		288.716.500.668	137.986.097.924
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(67.619.601)	(1.422.858.170)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.749.774.529	6.176.426.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	2.575.257.558	921.000.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	24.946.623.144	4.639.574.323
Tài sản ngắn hạn khác	155		227.893.827	615.852.498
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		186.452.657.259	190.601.811.967
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		58.259.039.875	55.368.768.600
Tài sản cố định hữu hình	221	9	58.240.139.875	55.293.168.600
Nguyên giá	222		310.997.456.944	301.627.632.601
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.757.317.069)	(246.334.464.001)
Tài sản cố định vô hình	227	10	18.900.000	75.600.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(548.100.000)	(491.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.078.757.636	8.815.448.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.078.757.636	8.815.448.752

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn khác	260		2.313.212.311	3.615.947.178
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	2.135.207.639	2.416.222.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	178.004.672	1.199.724.259
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		791.025.604.760	619.478.518.527
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		393.842.486.578	222.336.449.907
Nợ ngắn hạn	310		393.842.486.578	222.336.449.907
Phải trả người bán	311	14	140.893.842.473	51.847.185.596
Người mua trả tiền trước	312		16.643.341.269	9.588.558.349
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(b)	2.402.960.754	797.331.870
Phải trả người lao động	314		3.742.653.174	5.230.053.750
Chi phí phải trả	315		573.804.100	771.854.318
Phải trả khác	319	16	37.026.884.808	176.466.024
Vay ngắn hạn	320	17	192.559.000.000	153.925.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		397.183.118.182	397.142.068.620
Vốn chủ sở hữu	410	18	397.183.118.182	397.142.068.620
Vốn cổ phần	411	19	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	19	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	21	45.058.840.578	37.739.024.524
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.497.666.967	52.776.433.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.858.563.604	9.053.742.502
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm trước	421b		22.639.103.363	43.722.690.957
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		791.025.604.760	619.478.518.527

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

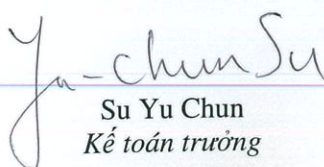
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	525.897.364.814	484.418.745.810
Giá vốn hàng bán	11	24	477.587.047.684	429.848.542.467
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		48.310.317.130	54.570.203.343
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.345.029.293	5.755.594.896
Chi phí tài chính	22	26	6.978.994.404	3.978.554.668
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.821.641.524	2.494.669.697
Chi phí bán hàng	25		8.678.776.261	8.785.205.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.312.444.997	9.950.094.344
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		27.685.130.761	37.611.943.973
Thu nhập khác	31		3.975.870	16.200.864
Chi phí khác	32		332.012.135	1.556.826
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(328.036.265)	14.644.038
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.357.094.496	37.626.588.011
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.696.271.546	6.260.753.829
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	1.021.719.587	260.141.212
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.639.103.363	31.105.692.970

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		27.357.094.496	37.626.588.011
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.479.553.068	6.723.770.500
Các khoản dự phòng	03		(1.355.238.569)	(446.233.898)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		272.635.735	(1.467.480.393)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.901.895.057)	(3.198.620.304)
Chi phí lãi vay	06		3.821.641.524	2.494.669.697
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		33.673.791.197	41.732.693.613
Biến động các khoản phải thu	09		(44.442.234.548)	21.739.437.606
Biến động hàng tồn kho	10		(150.730.402.744)	7.482.918.129
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		93.716.336.491	(28.923.746.816)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.373.242.263)	(779.873.927)
			(69.155.751.867)	41.251.428.605
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.818.130.940)	(2.550.714.827)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.732.974.178)	(7.359.235.905)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.244.368.729)	(1.593.734.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.951.225.714)	29.747.743.453

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.782.133.227)	(3.503.049.925)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	15.500.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(30.000.000.000)	-
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		40.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.324.561.719	3.183.120.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.542.428.492	(304.429.621)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn	33		261.116.500.000	148.528.000.000
Tiền chi trả nợ gốc các khoản vay ngắn hạn	34		(222.488.000.000)	(144.094.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.628.500.000	4.433.500.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(28.780.297.222)	33.876.813.832
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		106.553.078.212	143.590.509.089
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	77.772.780.990	177.467.322.921

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Trụ sở chính có 292 nhân viên (1/1/2017: 296 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông thể hiện theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Trụ sở chính hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thương mại, sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm Chi nhánh Hải Dương, các cổ đông và các công ty mẹ cấp cao, các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	939.620.000	909.391.000
Tiền gửi ngân hàng	36.833.160.990	25.643.687.212
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	80.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	77.772.780.990	106.553.078.212

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.000.000.000	40.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng. Thời gian đáo hạn còn lại của các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là dưới 12 tháng.

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	35.631.229.367	27.059.037.284
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	44.441.145.759	26.218.479.533
Các khách hàng khác	79.343.020.595	86.105.248.236
Tổng cộng	159.415.395.721	139.382.765.053

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	55.742.965.581	-	39.807.799.274	-
Nguyên vật liệu	35.464.779.330	-	17.791.959.596	-
Sản phẩm dở dang	35.346.769.219	-	3.334.419.749	(130.314.902)
Thành phẩm	162.161.986.538	(67.619.601)	77.051.919.305	(1.292.543.268)
	288.716.500.668	(67.619.601)	137.986.097.924	(1.422.858.170)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.422.858.170	848.531.067
Tăng trong kỳ	-	227.417.147
Hoàn nhập	(1.355.238.569)	(673.651.045)
Số dư cuối kỳ	67.619.601	402.297.169

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 48,02 tỷ VND (1/1/2017: 21,61 tỷ VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	73.784.396.387	214.258.842.467	7.722.646.056	3.372.527.694	2.489.219.997	301.627.632.601
Tăng trong kỳ	-	170.000.000	-	92.727.273	-	262.727.273
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.107.097.070	-	-	-	9.107.097.070
Số dư cuối kỳ	73.784.396.387	223.535.939.537	7.722.646.056	3.465.254.967	2.489.219.997	310.997.456.944
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	55.036.471.272	180.841.853.095	5.143.187.129	3.060.619.590	2.252.332.915	246.334.464.001
Khấu hao trong kỳ	1.090.333.569	5.022.415.235	227.599.800	55.203.264	27.301.200	6.422.853.068
Số dư cuối kỳ	56.126.804.841	185.864.268.330	5.370.786.929	3.115.822.854	2.279.634.115	252.757.317.069
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	18.747.925.115	33.416.989.372	2.579.458.927	311.908.104	236.887.082	55.293.168.600
Số dư cuối kỳ	17.657.591.546	37.671.671.207	2.351.859.127	349.432.113	209.585.882	58.240.139.875

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 176,86 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 142,75 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phản mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	491.400.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	548.100.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	75.600.000
Số dư cuối kỳ	18.900.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	8.815.448.752	7.463.686.491
Tăng trong kỳ	3.370.405.954	3.255.140.835
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.107.097.070)	(7.716.055.936)
Số dư cuối kỳ	3.078.757.636	3.002.771.390

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	1.260.886.992	686.134.613
Đồng phục	571.926.700	90.000.000
Chi phí bảo hiểm	184.724.708	44.503.795
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	557.719.158	100.361.607
	2.575.257.558	921.000.015

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.481.757.931	934.464.988	2.416.222.919
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(252.591.000)	(281.015.280)
Số dư cuối kỳ	1.453.333.651	681.873.988	2.135.207.639

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả) được ghi nhận cho những khoản mục sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản cố định	-	414.692.154
Dự phòng phải thu khó đòi	167.861.732	167.861.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.142.940	213.428.726
Doanh thu chưa thực hiện	-	(123.709.856)
Chi phí phải trả và dự phòng	-	527.451.503
	178.004.672	1.199.724.259

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
– một bên liên quan	128.237.134.927	128.237.134.927	40.348.812.756	40.348.812.756
Công ty TNHH Điện cơ Teco Việt Nam				
– một bên liên quan	109.786.413	109.786.413	44.404.690	44.404.690
Các nhà cung cấp khác	12.546.921.133	12.546.921.133	11.453.968.150	11.453.968.150
	140.893.842.473	140.893.842.473	51.847.185.596	51.847.185.596

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND	Số đã phát sinh VND	Phân loại lại VND	Số đã cần trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.639.574.323	60.435.561.281	(4.639.574.323)	(35.488.938.137)	24.946.623.144

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cần trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	77.762.166.929	(42.273.228.792)	(35.488.938.137)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.955.110	3.696.271.546	(1.732.974.178)	-	2.228.252.478
Thuế thu nhập cá nhân	532.376.760	677.720.558	(1.035.389.042)	-	174.708.276
	797.331.870	82.136.159.033	(45.041.592.012)	(35.488.938.137)	2.402.960.754

16. Phải trả khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	36.816.698.400	-
Phải trả khác	210.186.408	176.466.024
	37.026.884.808	176.466.024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong kỳ			30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
						Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	153.925.000.000	153.925.000.000	261.116.500.000	(222.488.000.000)	5.500.000	192.559.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	-	63.798.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	31.878.000.000	18.228.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	18.216.000.000	11.392.500.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	40.986.000.000	50.506.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Chi nhánh Đồng Nai (b)	65 tỷ VND	VND: 4,9% và có thể được điều chỉnh tùy vào từng giao dịch	40.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Mega International Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	2,7 triệu USD	1% + Chi phí huy động vốn	61.479.000.000	-
			192.559.000.000	153.925.000.000

- a. Các khoản vay này được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	47.908.065.279	355.013.112.083
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	31.105.692.970	31.105.692.970
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	37.739.024.524	68.045.115.472	384.525.070.633
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.616.997.987	12.616.997.987
Chia cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	52.776.433.459	397.142.068.620
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.639.103.363	22.639.103.363
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
Cổ tức được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 20)	-	-	-	15.463.013.328	15.463.013.328
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	45.497.666.967	397.183.118.182

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có sự thay đổi về vốn cổ phần trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các cổ đông chính của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.	24.555.172	80%	24.555.172	80%
Các cổ đông khác	6.134.773	20%	6.134.773	20%
	30.689.945	100%	30.689.945	100%

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 36.817 triệu VND (1.200 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: không).

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ tức sẽ được trả thông qua lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 52% và 48%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Chi nhánh chưa hoàn tất việc chuyển lợi nhuận giữ lại cho Trụ sở chính để phân phối cổ tức và vì vậy khoản này được Trụ sở chính ghi nhận là một khoản phải thu nội bộ từ Chi nhánh.

Toàn bộ cổ tức đã được chi trả vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

21. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	3.739.875.881	3.739.875.881
Trong vòng hai đến năm năm	14.019.963.522	14.372.291.022
Sau năm năm	62.474.963.123	63.992.573.564
	80.234.802.526	82.104.740.467

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	201.601	4.576.378.863	455.913	10.356.134.215

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Bán thành phẩm	525.615.812.606	484.130.641.766
Bán hàng hoá	281.552.208	288.104.044
	525.897.364.814	484.418.745.810

24. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	478.722.466.691	430.081.520.753
▪ Hàng hoá đã bán	219.819.562	213.255.612
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.355.238.569)	(446.233.898)
	477.587.047.684	429.848.542.467

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi	2.901.895.057	3.183.120.304
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.443.134.236	2.572.474.592
	5.345.029.293	5.755.594.896

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	3.821.641.524	2.494.669.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.157.352.880	1.483.884.971
	6.978.994.404	3.978.554.668

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	433.748.544.414	390.094.038.523
Chi phí nhân công	21.348.010.763	20.601.038.033
Chi phí khấu hao	6.479.553.068	6.723.770.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.407.944.308	14.568.393.008
Chi phí khác	16.594.216.389	9.437.008.305

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.696.271.546	6.260.753.829
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.021.719.587	260.141.212
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.717.991.133	6.520.895.041

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.357.094.496	37.626.588.011
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	4.103.564.174	5.643.988.202
Chi phí không được khấu trừ thuế	242.392.370	475.915.712
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	372.034.589	400.991.127
	4.717.991.133	6.520.895.041

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty được cấp Giấy phép Đầu tư điều chỉnh để tăng vốn điều lệ. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là dự án đầu tư mở rộng và thu nhập phát sinh từ các dự án này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20%. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại kỳ/năm kết thúc, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	458.489.391.097	305.535.760.067	127.356.260.714	40.214.953.553
Phí bản quyền và phí UL (*)	747.015.009	632.139.409	880.874.213	133.859.203
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	186.468.730	180.091.766	109.786.413	44.404.690
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	2.920.679.219	564.828.250	-	-
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	-	-	122.801.647.437	122.801.647.437
Ban quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.244.368.729	1.593.734.420	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	238.484.088	176.568.975	238.484.088	176.568.975

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (một công ty liên quan), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc